TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11-AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12-8-2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11-AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Phước Công và bà Phan Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11- An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-An Giang tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kiều Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11- An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 428/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2025 về việc "tranh chấp về ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 418/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Từ Uyển N, sinh ngày 25/02/1997, số căn cước công dân 079197027605; địa chỉ: số C M, phường I, quận A (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh; có văn bản xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh ngày 22/4/1999, số căn cước công dân 089099001307; địa chỉ: ấp M, xã N, huyện C (nay là xã N), tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Từ U Nhitrình bày: Bà N và ông Nguyễn Văn L do mai mối, tìm hiểu tiến đến hôn nhân vào năm 2022, gia đình hai bên có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện C (nay là xã N), tỉnh An Giang, cấp giấy chứng nhận số 253 ngày 01/11/2022, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, vợ chồng không còn sống chung 02 năm nay. Nhận thấy tình cảm của vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn L; Về con chung: Bà N và ông L có 01 con chung tên Nguyễn Kim M, sinh ngày 24/5/2023, đang sống với ông L, khi ly hôn bà N đồng ý để ông L tiếp tục nuôi dưỡng con chung, bà N đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng đến khi con đủ 18 tuổi; về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và về nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà N xác định do ông L không đến Tòa án để trình bày ý kiến về việc có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hay không cho nên bà N rút lại thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể: yêu cầu ly hôn, đồng ý để ông L được nuôi con, không cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L không gửi ý kiến cho Tòa án, vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56,81,82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề xuất: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Từ Uyển N đối với ông Nguyễn Văn L; ông Nguyễn Văn L được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Kim M sinh ngày 24/5/2023. Bà Từ Uyển N không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Từ Uyển N khởi kiện vụ án tranh chấp về ly hôn với ông Nguyễn Văn L. Ông L có nơi cư trú trên địa bàn xã N, tỉnh An Giang. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 11-An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Bà Từ Uyển N, có đơn xin vắng mặt; ông Nguyễn Văn L đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Từ Uyển N và ông Nguyễn Văn L là hợp pháp vì ông bà có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung vợ chồng ông bà sống không hợp nhau, theo nguyên đơn trình bày là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, vợ chồng không còn sống chung 02 năm nay. Hội đồng xét xử thấy rằng bà N xin ly hôn với ông L, bà N, ông L không còn sống chung đến nay là một khoảng thời gian dài, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ, cho nên Tòa án cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N.

[4] Về quan hệ con chung: Bà Từ Uyển N xác định vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Kim M, sinh ngày 24/5/2023, đang sống với ông L, khi ly hôn bà N đồng ý để ông L tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, con chung là cháu Nguyễn Kim M, còn nhỏ, đang được ông L chăm sóc, nuôi dưỡng, bà N không tranh chấp việc nuôi con. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp cháu phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu cho ông L được tiếp tục nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét đến.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Bà Từ Uyển N khởi kiện xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[6] Về nợ chung: Bà Từ Uyển N khởi kiện xác định không có nên không xét đến.

[7] Về án phí: Bà Từ Uyển N phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào,

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Từ Uyển N.

1) Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Từ Uyển N ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

2) Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Văn L được tiếp tục nuôi con chung là Nguyễn Kim M, sinh ngày 24/5/2023. Bà Từ Uyển N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Văn L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Từ Uyển N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3) Về quan hệ tài sản chung: Bà Từ Uyển N khởi kiện xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

4) Về nợ chung: Bà Từ Uyển N khởi kiện xác định không có nên không xét đến.

5) Về án phí: Bà Từ Uyển N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí đã nộp 300.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0024582 ngày 08/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh A). Bà Từ Uyển N đã nộp đủ.

6) Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND kgu vực 11-An Giang;;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã N, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Hùng